CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ XÂY LẮP ĐIỆN THỊNH VƯỢNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

Nam Định, tháng 03 năm 2021

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Xây lắp điện Thịnh Vượng (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Đình Thắng	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên
Bà Hoàng Thu Anh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 21/02/2021)
Ông Vũ Ngọc Hoằng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 21/02/2021)
Bà Hoàng Thị Hồng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 21/02/2021)

Ban Giám đốc

Ông Trần Đình Thắng	Giám đốc, người đại diện pháp luật
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Doanh nghiệp với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Doanh nghiệp và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Theo ý kiến Ban Giám đốc Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Doanh nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.,

M.S.D.N: 0600[illegible] C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN T. MẠI ĐẦU TƯ XÂY LẮP ĐIỆN THỊNH VƯỢNG
TP. NAM ĐỊNH - T. NAM ĐỊNH

Trần Đình Thắng
Giám đốc
Ngày 27 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Chi nhánh Hải Phòng: Số MHT05-04 KĐT Vinhomes Imperia Hải Phòng
Phường Thượng Lý, Quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng, Việt Nam
Tel : (84-225) 3534 655
www.vaco.com.vn

Số:108/VACO/BCKT.HP

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Xây lắp điện Thịnh Vượng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Xây lắp điện Thịnh Vượng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 03 năm 2021, từ trang 03 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

M.S.C.N: 0102546856 - 001 - C.T.N.H.H
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO TẠI HẢI PHÒNG
Q. HỒNG BÀNG T.P HẢI PHÒNG

Lương Thị Thúy
Phó Giám đốc Chi nhánh
Giấy CNĐK HN kiểm toán số: 1148-2018-156-1

Đỗ Bình Dương
Kiểm toán viên
Giấy CNĐK HN kiểm toán số:1953-2018-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO TẠI HẢI PHÒNG
Hải Phòng, ngày 27 tháng 3 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**36.029.608.697**	**29.489.141.879**
I Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**4**	**5.077.054.741**	**269.191.679**
1 Tiền	111		5.077.054.741	269.191.679
II Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**28.723.892.163**	**23.898.519.361**
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	27.271.596.184	18.011.877.034
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	1.252.273.067	5.682.168.585
3 Phải thu ngắn hạn khác	136		200.022.912	204.473.742
III Hàng tồn kho	**140**	**7**	**2.193.981.271**	**5.122.274.385**
1 Hàng tồn kho	141		2.193.981.271	5.122.274.385
IV Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**34.680.522**	**199.156.454**
1 Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.664.990	11.182.460
2 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	27.015.532	187.973.994
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**5.853.195.406**	**15.490.906.941**
I Tài sản cố định	**220**		**1.052.727.225**	**840.952.585**
1 Tài sản cố định hữu hình	221	8	1.052.727.225	840.952.585
- Nguyên giá	*222*		*1.760.123.636*	*1.348.778.182*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(707.396.411)*	*(507.825.597)*
II Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	9	**4.800.000.000**	**14.600.000.000**
1 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.800.000.000	14.600.000.000
III Tài sản dài hạn khác	**260**		**468.181**	**49.954.356**
1 Chi phí trả trước dài hạn	261		468.181	49.954.356
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**41.882.804.103**	**44.980.048.820**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**8.703.153.168**	**13.479.596.550**
I Nợ ngắn hạn	**310**		**8.318.153.168**	**13.264.596.550**
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	10	2.908.151.184	4.591.278.321
2 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	290.001.984	113.318.229
3 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	12	5.120.000.000	8.560.000.000
II Nợ dài hạn	**330**		**385.000.000**	**215.000.000**
1 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	12	385.000.000	215.000.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**33.179.650.935**	**31.500.452.270**
I Vốn chủ sở hữu	**410**	**13**	**33.179.650.935**	**31.500.452.270**
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*30.000.000.000*	*30.000.000.000*
2 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.179.650.935	1.500.452.270
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*1.500.452.270*	*356.267.981*
- LNST chưa phân phối năm nay	*421b*		*1.679.198.665*	*1.144.184.289*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**41.882.804.103**	**44.980.048.820**

M.S.D.N: 0600446389 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN T. MẠI ĐẦU TƯ XÂY LẮP ĐIỆN THỊNH VƯỢNG
TP. NAM ĐỊNH - T. NAM ĐỊNH

Trần Đình Thắng	**Phùng Thị Tơ**	**Phùng Thị Tơ**
Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**
Ngày 27 tháng 03 năm 2021		

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**		**85.877.293.449**	**53.989.078.969**
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		5.387.522	-
3	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)**	**10**	**14**	**85.871.905.927**	**53.989.078.969**
4	Giá vốn hàng bán	11	15	84.180.350.965	51.588.543.610
5	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)**	**20**		**1.691.554.962**	**2.400.535.359**
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	2.076.420.554	42.168.262
7	Chi phí tài chính	22	17	520.742.905	559.604.479
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*520.742.905*	*559.604.479*
8	Chi phí bán hàng	25	18	1.237.728.019	1.279.881.684
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	18	748.927.705	600.411.961
10	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 -22) - (25 + 26)}**	**30**		**1.260.576.887**	**2.805.497**
11	Thu nhập khác	31		789.305.533	1.464.165.806
12	Chi phí khác	32		-	29.468.785
13	**Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)**	**40**	**19**	**789.305.533**	**1.434.697.021**
14	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)**	**50**		**2.049.882.420**	**1.437.502.518**
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	20	370.683.755	293.318.229
16	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)**	**60**		**1.679.198.665**	**1.144.184.289**
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	560	774

M.S.D.N: 0600446389 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN T. MẠI ĐẦU TƯ XÂY LẮP ĐIỆN THỊNH VƯỢNG - TP. NAM ĐỊNH - T. NAM ĐỊNH

Trần Đình Thắng	**Phùng Thị Tơ**	**Phùng Thị Tơ**
Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**
Ngày 27 tháng 03 năm 2021		

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***	***2.049.882.420***	***1.437.502.518***
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	199.570.814	149.791.042
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.076.420.554)	(42.168.262)
Chi phí lãi vay	06	520.742.905	559.604.479
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***	***693.775.585***	***2.104.729.777***
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	7.039.103.130	(12.785.974.911)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	2.928.293.114	(2.589.172.435)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.683.127.137)	2.160.142.512
Tăng/giảm chi phí trả trước	12	49.486.175	126.897.460
Tiền lãi vay đã trả	14	(520.742.905)	(559.604.479)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(194.000.000)	(180.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***8.312.787.962***	***(11.722.982.076)***
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(411.345.454)	(5.311.460.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	-	300.000.000
3.Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	3.300.000.000
4.Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(14.600.000.000)
5.Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
6.Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	176.420.554	42.168.262
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***(234.924.900)***	***(16.269.291.738)***
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1.Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	25.000.000.000
2.Tiền thu từ đi vay	33	27.240.000.000	23.960.000.000
3.Tiền trả nợ gốc vay	34	(30.510.000.000)	(21.485.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***(3.270.000.000)***	***27.475.000.000***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	**50**	**4.807.863.062**	**(517.273.814)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**269.191.679**	**786.465.493**
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	**70**	**5.077.054.741**	**269.191.679**

Trần Đình Thắng	**Phùng Thị Tơ**	**Phùng Thị Tơ**
Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**
Ngày 27 tháng 03 năm 2021		

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Xây lắp điện Thịnh Vượng là Doanh nghiệp cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0600446389, thay đổi lần thứ 4 ngày 22/11/2019 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Nam Định cấp.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 17 người (tại ngày 01/01/2020 là 17 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là Lắp đặt hệ thống điện, Chi tiết: Xây lắp đường dây và trạm biến áp điện đến 35KV; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình, Chi tiết: Bán buôn văn phòng phẩm; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, vật tư, thiết bị ngành điện; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Vận tải hành khách đường bộ khác, Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng bằng đường bộ; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ; May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú); Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh; Chi tiết: Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, văn phòng phẩm; Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị thi công công trình; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông, Chi tiết: Mua bán điện thoại các loại; Hoạt động viễn thông khác, Chi tiết: Đại lý dịch vụ bưu chính, viễn thông; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị thi công công trình; Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi), Chuẩn bị mặt bằng, Chi tiết: San lấp mặt bằng; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống, Chi tiết: Mua bán lương thực, hàng nông, lâm thủy hải sản (trừ các loại Nhà nước cấm); Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, Chi tiết: Mua bán khoáng sản, phân bón nông nghiệp (Trừ các loại nhà nước cấm); Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục); Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Sản xuất sản phẩm từ plastic; Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu; Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; In ấn; Dịch vụ liên quan đến in; Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi; Sửa chữa thiết bị liên lạc; Sửa chữa máy móc, thiết bị, Chi tiết: Sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng máy photo, máy văn phòng các loại; Đại lý, môi giới, đấu giá, Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi các thiết bị ngành bưu chính, viễn thông, linh kiện điện tử; Bán buôn tổng hợp, Chi tiết: Dịch vụ thương mại; Bán buôn đồ uống, Chi tiết: Mua bán bia, rượu, nước ngọt, nước giải khát; (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động, kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình, Chi tiết: Bán buôn văn phòng phẩm; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh; Chi tiết: Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, văn phòng phẩm; Lắp đặt hệ thống điện, Chi tiết: Xây lắp đường dây và trạm biến áp điện đến 35KV; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về Công ty liên kết của Công ty tại ngày 31/12/2020 như sau:

Tên Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Xây lắp điện Thiên Trường (*)	Lô 55 đường N2 cụm Công nghiệp An Xá, xã Mỹ Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, Việt Nam	49%	49%	Xây lắp điện
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện Hoàng Phát	Số 85 Lê Quý Đôn, phường Thống Nhất, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, Việt Nam	48%	48%	Xây lắp điện

(*) Trong năm, Công ty đã thực hiện thanh lý khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ và Xây lắp điện Thiên Trường, do đó tại ngày 31/12/2020, công ty này không còn là Công ty liên kết.

2. KỲ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Áp dụng luật kế toán

Luật Kế toán số 88/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017. Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, do đó, Công ty chưa áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày báo cáo tài chính

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2, Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;

b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;

c) Hàng tồn kho được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;

d) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a,b,c trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp" và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Phương pháp tính giá hàng tồn kho: Nhập trước xuất trước. Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Theo đánh giá của Ban Giám đốc, trong số dư hàng tồn kho đến ngày 31/12/2020 không có hàng tồn kho nào bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Máy móc, thiết bị	08

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	682.120.073	260.969.934
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.394.934.668	8.221.745
Cộng	**5.077.054.741**	**269.191.679**

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	***27.271.596.184***	***18.011.877.034***
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Anh Kiệt	1.851.923.637	3.108.607.234
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ An Bảo Nguyên	279.922.720	1.614.725.778
Công ty TNHH Thiết bị giáo dục và Đồ chơi Hanaco	366.379.537	540.922.640
Công ty Cổ phần Xây lắp Đức Nguyên	-	3.894.079.213
Công ty TNHH Thương mại Thảo Linh	-	417.666.914
Cửa hàng Bình Nga	-	2.075.596.710
Công ty TNHH In - Quảng cáo Xuân Thịnh	598.157.946	908.820.652
Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ và Xây lắp điện Thiên Trường	-	361.269.446
Bà Trần Thị Hương	11.700.000.000	-
Công Ty Cổ phần Hoa Đạm	7.762.129.140	-
Các đối tượng khác	4.713.083.204	5.090.188.447
Cộng	**27.271.596.184**	**18.011.877.034**

Phải thu khách hàng các bên liên quan
(chi tiết tại Thuyết minh số 26)

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	***1.252.273.067***	***5.682.168.585***
Ông Trần Quý Cường	-	5.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư TMDV Tổng hợp Hưng Phú	415.953.872	163.842.579
Công ty TNHH Thương mại và Bất động sản Châu Mỹ	645.437.688	-
Các đối tượng khác	190.881.507	518.326.006
Cộng	**1.252.273.067**	**5.682.168.585**

Trả trước người bán là các bên liên quan
(chi tiết tại Thuyết minh số 26)

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng hóa	2.193.981.271	-	5.122.274.385	
Cộng	**2.193.981.271**	**-**	**5.122.274.385**	**-**

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	**1.348.778.182**	**1.348.778.182**
Tăng trong năm	411.345.454	411.345.454
Số dư cuối năm	**1.760.123.636**	**1.760.123.636**
HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	**507.825.597**	**507.825.597**
Khấu hao trong năm	199.570.814	199.570.814
Số dư cuối năm	**707.396.411**	**707.396.411**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu năm	**840.952.585**	**840.952.585**
Số dư cuối năm	**1.052.727.225**	**1.052.727.225**

Như trình bày tại Thuyết minh số 12, Công ty đã thế chấp phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 1.052.727.225 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 840.952.585 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty liên kết	***4.800.000.000***	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ và Xây lắp điện Thiên Trường (**)	-	(*)	-	*9.800.000.000*	(*)	-
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện Hoàng Phát	*4.800.000.000*	(*)	-	*4.800.000.000*	(*)	-
Cộng	**4.800.000.000**	-	-	**14.600.000.000**	-	-

(*) Giá trị hợp lý: Theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết cần được trình bày, tuy nhiên công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường của các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định hiện hành có liên quan chưa hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý nên Công ty trình bày theo giá trị sổ sách. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này nếu xác định được có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty đã xem xét báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của các công ty có vốn đầu tư để đánh giá trích lập dự phòng, nếu có. Kết quả kinh doanh trong năm 2020 của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện Hoàng Phát có lãi.

(**) Trong năm, Công ty thực hiện thoái vốn từ các Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Xây lắp điện Thiên Trường theo nghị quyết số 2612/2020 ngày NQ-HĐQT ngày 26/12/2020 của Hội đồng Quản trị theo giá được bên thứ ba độc lập thẩm định giá.

Thông tin về các công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết %	KQKD %
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện Hoàng Phát	Xây lắp điện, thương mại	48	48	Lãi

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tóm tắt tình hình hoạt động của Công ty liên kết trong năm:

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện Hoàng Phát: Doanh thu 15.600.258.239 VND, lợi nhuận sau thuế 56.470.975 VND, Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2020: 10.245.636.656 VND (Vốn góp của Chủ sở hữu là 10.000.000.000 VND), Công ty đang hoạt động bình thường.

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	***2.908.151.184***	***2.908.151.184***	***4.591.278.321***	***4.591.278.321***
Công ty TNHH Đoàn	883.225.351	883.225.351	1.003.531.240	1.003.531.240
Công ty TNHH MTV TMDV Tân Lực Miền Bắc	-	-	894.287.185	894.287.185
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Linh Nhạn	147.370.100	147.370.100	625.717.092	625.717.092
Công ty Cổ phần Đầu tư Tân An Dương	979.617.008	979.617.008	785.970.211	785.970.211
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại P.P	181.711.649	181.711.649	516.327.740	516.327.740
Phải trả nhà cung cấp khác	716.227.076	716.227.076	765.444.853	765.444.853
Cộng	**2.908.151.184**	**2.908.151.184**	**4.591.278.321**	**4.591.278.321**

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Phát sinh phải nộp trong năm	Phát sinh đã nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế phải thu	***187.973.994***	***13.304.791***	***174.263.253***	***27.015.532***
Thuế giá trị gia tăng	187.973.994	13.304.791	174.263.253	27.015.532
Thuế phải nộp	***113.318.229***	***572.147.008***	***395.463.253***	***290.001.984***
Thuế giá trị gia tăng	-	174.263.253	174.263.253	-
Thuế TN doanh nghiệp	113.318.229	370.683.755	194.000.000	290.001.984
Thuế thu nhập cá nhân	-	24.200.000	24.200.000	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-

12. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	**8.560.000.000**	**8.500.000.000**	**27.060.000.000**	**30.500.000.000**	**5.120.000.000**	**5.120.000.000**
Vay ngắn hạn	***8.500.000.000***	***8.500.000.000***	***26.940.000.000***	***30.440.000.000***	***5.000.000.000***	***5.000.000.000***
Ngân hàng Vietcombank-CN Nam Định (1)	6.000.000.000	6.000.000.000	13.000.000.000	14.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Nam Định	2.500.000.000	2.500.000.000	-	2.500.000.000	-	-
Vay cá nhân (2)	-	-	13.940.000.000	13.940.000.000	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	***60.000.000***	-	***120.000.000***	***60.000.000***	***120.000.000***	***120.000.000***
Ngân hàng TMCP TP bank- CN Nam Định (3)	60.000.000	-	120.000.000	60.000.000	120.000.000	120.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	**215.000.000**	**215.000.000**	**300.000.000**	**130.000.000**	**385.000.000**	**385.000.000**
Ngân hàng TMCP TP bank- CN Nam Định (3)	215.000.000	215.000.000	300.000.000	130.000.000	385.000.000	385.000.000
Cộng	**8.775.000.000**	**8.715.000.000**	**27.360.000.000**	**30.630.000.000**	**5.505.000.000**	**5.505.000.000**

Vay và nợ thuê tài chính từ các bên liên quan
(chi tiết tại Thuyết minh số 26)

(1) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Định theo Hợp đồng cấp tín dụng số 01/2020/HĐTD/10632757 ngày 21/08/2020, hạn mức khoản cấp tín dụng là 8 tỷ đồng; khoản vay sử dụng để bổ sung vốn lưu động và được áp dụng lãi suất theo từng hợp đồng cụ thể; Khoản vay được bảo đảm bởi: Quyền sở hữu đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CM945113, chủ sở hữu: Ông Trần Quý Cường và bà Nguyễn Thị Thanh Hương theo hợp đồng bảo đảm 01/18/VCB.NDI-TC/7827158 ngày 09/07/2018.

(2) Vay ngắn hạn bà Nguyễn Thị Thanh Hương theo các Hợp đồng vay năm 2020 ngày 20/04/2020, tổng số tiền vay 13.940.000.000 VND; khoản vay có lãi suất 0%.

(3) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Nam Định theo 2 hợp đồng sau:

+ Hợp đồng tín dụng số 301/2019/HDTD/NDH/01 ngày 18/07/2019, hạn mức khoản cấp tín dụng là 300.000.000 đồng; thời hạn vay 60 tháng; khoản vay sử dụng để bổ sung vốn lưu động và được áp dụng lãi suất 9,6%/năm, lãi suất được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần sau năm đầu tiên. Khoản vay được bảo đảm bởi tài sản là xe Kia Thaco màu xanh, số khung RNHA05KHBLC094460; số máy J001448D4CB, Biển kiểm soát 18C-098.42 (xem Thuyết minh số 8).

12. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

+ Hợp đồng tín dụng số 301/2019/HDTD/NDH/02 ngày 28/10/2020, hạn mức khoản cấp tín dụng là 300.000.000 đồng; thời hạn vay 60 tháng; khoản vay sử dụng bổ sung vốn lưu động và được áp dụng lãi suất 8.1%/năm, lãi suất được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần sau năm đầu tiên. Khoản vay được bảo đảm bởi tài sản là xe Thaco Ollin500.E4-CS/TK1, số khung RNHA10FWALC012143; số máy YZ4DA2-40*BD10003082*, Biển kiểm soát 18H-001.49.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	120.000.000	60.000.000
Trong năm thứ hai	180.000.000	120.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	205.000.000	95.000.000
Cộng	**505.000.000**	**275.000.000**
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày trong phần nợ ngắn hạn)	(120.000.000)	(60.000.000)
Số phải trả sau 12 tháng	**385.000.000**	**215.000.000**

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	**5.000.000.000**	**356.267.981**	**5.356.267.981**
Tăng trong năm	25.000.000.000		25.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	1.144.184.289	1.144.184.289
Số dư đầu năm nay	**30.000.000.000**	**1.500.452.270**	**31.500.452.270**
Lợi nhuận trong năm	-	1.679.198.665	1.679.198.665
Số dư cuối năm nay	**30.000.000.000**	**3.179.650.935**	**33.179.650.935**

Vốn Điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp, vốn Điều lệ của Công ty là 30.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, vốn Điều lệ đã được các cổ đông góp đủ. Danh sách các cổ đông lớn của Công ty như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	(%)	VND	(%)
Trần Đình Thắng	3.000.000.000	10,00	24.000.000.000	80,00
Nguyễn Thị Thanh Hương	1.500.000.000	5,00	4.500.000.000	15,00
Hoàng Thu Anh	1.500.000.000	5,00	1.500.000.000	5,00
Các Cổ đông khác	24.000.000.000	80,00	-	-
Cộng	**30.000.000.000**	**100**	**30.000.000.000**	**100**

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	30.000.000.000	5.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	25.000.000.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	30.000.000.000	30.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	*3.000.000*	*3.000.000*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.000.000	3.000.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu.

14. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	***85.877.293.449***	***53.989.078.969***
Doanh thu bán hàng hóa	77.978.693.463	53.989.078.969
Doanh thu xây lắp	7.898.599.986	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	***(5.387.522)***	-
Giảm giá hàng bán	(5.387.522)	-
Doanh thu thuần	**85.871.905.927**	**53.989.078.969**

15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hoạt động thương mại	77.169.701.474	51.588.543.610
Giá vốn hoạt động xây lắp	7.010.649.491	-
Cộng	**84.180.350.965**	**51.588.543.610**

16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	433.565	409.436
Lãi từ các khoản ký quỹ	8.384.597	9.748.288
Lãi thanh lý khoản đầu tư	1.900.000.000	-
Lãi từ hợp đồng cho vay	-	21.698.630
Chiết khấu thanh toán	167.602.392	10.311.908
Cộng	**2.076.420.554**	**42.168.262**

17. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi vay	520.742.905	559.604.479
Cộng	**520.742.905**	**559.604.479**

18. CHI PHÍ BÁN HÀNG, CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	***1.237.728.019***	***1.279.881.684***
Chi phí nhân viên	972.772.400	903.209.736
Các khoản chi phí bán hàng khác	264.955.619	376.671.948
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	***748.927.705***	***600.411.961***
Chi phí nhân viên quản lý	340.056.480	223.871.153
Chi phí khấu hao	120.460.224	120.460.224
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	288.411.001	256.080.584

19. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập khác		
Nhận khuyến mại từ Công ty CP VPP Hồng Hà	687.084.533	968.444.943
Nhận thưởng từ CT TNHH MTV TMDV Tân Lực Miền Bắc	37.221.000	81.599.000
Thu nhập từ hỗ trợ thương mại	-	284.229.670
Thu nhập từ các khuyến mại khác	65.000.000	129.892.193
Cộng	**789.305.533**	**1.464.165.806**
Chi phí khác		
Các khoản phạt	-	7.948.029
Chi phí khác	-	21.520.756
Cộng	**-**	**29.468.785**
Lợi nhuận khác	**789.305.533**	**1.434.697.021**

20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho kỳ hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	**2.049.882.420**	**1.437.502.518**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	**90.000.000**	**29.088.628**
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng : Các khoản chi phí không được khấu trừ	90.000.000	29.088.628
Thu nhập chịu thuế	**2.139.882.420**	**1.466.591.146**
Thuế suất	20%	20%
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	**427.976.484**	**293.318.228**
Truy thu thuế TNDN từ các năm trước	71.100.216	-
Giảm 30% theo NQ 116/2020 (*)	(128.392.945)	-
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	**370.683.755**	**293.318.229**

(*) Căn cứ vào Nghị quyết số 116/2020/QH14 về giảm thuế TNDN năm 2020, doanh nghiệp có doanh thu không quá 200 tỷ đồng, do đó được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của năm 2020.

21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	1.679.198.665	1.144.184.289
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông	1.679.198.665	1.144.184.289
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong năm	3.000.000	1.479.167
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**560**	**774**

Cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty chưa có quyết định trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ nguồn lợi nhuận năm 2020, do đó lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2020 chưa loại trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích - nếu có.

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên vật liệu	2.895.632.482	-
Chi phí nhân công	5.485.484.064	1.127.080.889
Chi phí khấu hao tài sản cố định	199.570.814	149.791.042
Chi phí khác	413.617.855	603.421.714
Cộng	**8.994.305.215**	**1.880.293.645**

23. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm dịch vụ như sau:
1 - Bộ phận kinh doanh thương mại văn phòng phẩm: Mua bán các sản phẩm là văn phòng phẩm;
2- Bộ phận kinh doanh công trình: Xây lắp đường dây và trạm biến áp điện đến 35KV; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi;

Việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận chính yếu: Theo lĩnh vực kinh doanh

	Năm nay		
Chỉ tiêu	Kinh doanh văn phòng phẩm VND	Hoạt động xây lắp VND	Cộng VND
Doanh thu thuần	77.973.305.941	7.898.599.986	85.871.905.927
Giá vốn	77.169.701.474	7.010.649.491	84.180.350.965
Lợi nhuận gộp	803.604.467	887.950.495	1.691.554.962
Thu nhập khác	789.305.533	-	789.305.533

	Năm trước		
Chỉ tiêu	Kinh doanh văn phòng phẩm VND	Hoạt động xây lắp VND	Cộng VND
Doanh thu thuần	53.989.078.969	-	53.989.078.969
Giá vốn	51.588.543.610	-	51.588.543.610
Lợi nhuận gộp	2.400.535.359	-	2.400.535.359
Thu nhập khác	1.464.165.806	-	1.464.165.806

Báo cáo bộ phận thứ yếu - theo khu vực địa lý

Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý do Công ty kinh doanh hai hoạt động chính là kinh doanh văn phòng phẩm và xây lắp tại Miền Bắc.

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Quản lý rủi ro vốn (tiếp theo)

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản vay	5.505.000.000	8.775.000.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(5.077.054.741)	(269.191.679)
Nợ thuần	427.945.259	8.505.808.321
Vốn chủ sở hữu	33.179.650.935	31.500.452.270
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	**0,01**	**0,27**

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.077.054.741	269.191.679
Phải thu khách hàng và phải thu khác	27.471.619.096	18.216.350.776
Đầu tư tài chính dài hạn	4.800.000.000	14.600.000.000
Tổng cộng	**37.348.673.837**	**33.085.542.455**
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	5.505.000.000	8.775.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	2.908.151.184	4.591.278.321
Tổng cộng	**8.413.151.184**	**13.366.278.321**

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ có thể chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào bởi vì các khoản phải vay áp dụng lãi suất cố định.

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bổ ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.077.054.741	-	5.077.054.741
Phải thu khách hàng và phải thu khác	27.471.619.096	-	27.471.619.096
Đầu tư tài chính dài hạn	-	4.800.000.000	4.800.000.000
Cộng	**32.548.673.837**	**4.800.000.000**	**37.348.673.837**
Số cuối năm			
Các khoản vay	5.120.000.000	385.000.000	5.505.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	2.908.151.184	-	2.908.151.184
Cộng	**8.028.151.184**	**385.000.000**	**8.413.151.184**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**24.520.522.653**	**4.415.000.000**	**28.935.522.653**

Số đầu năm	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	269.191.679	-	269.191.679
Phải thu khách hàng và phải thu khác	18.216.350.776	-	18.216.350.776
Đầu tư tài chính dài hạn	-	14.600.000.000	14.600.000.000
Cộng	**18.485.542.455**	**14.600.000.000**	**33.085.542.455**
Các khoản vay	8.775.000.000	215.000.000	8.990.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	4.591.278.321	-	4.591.278.321
Cộng	**13.366.278.321**	**215.000.000**	**13.581.278.321**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**5.119.264.134**	**14.385.000.000**	**19.504.264.134**

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằngCông ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

25. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác và tiền thu lãi do thanh lý khoản đầu tư trong năm không bao gồm 9,8 tỷ VND và 1,9 tỷ VND chưa thu được, Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên khoản mục "Tăng giảm các khoản phải thu".

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Bản chất bên liên quan
Ông Trần Đình Thắng	Cổ đông lớn, Chủ tịch HĐQT, Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Cổ đông lớn, Phó Giám đốc
Bà Hoàng Thu Anh	Cổ đông lớn, thành viên HĐQT, Vợ ông Trần Đình Thắng
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Xây lắp điện Thiên Trường (*)	Công ty liên kết
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện Hoàng Phát	Công ty liên kết
Ông Trần Quý Cường	Chồng bà Nguyễn Thị Thanh Hương

(*) Là công ty liên kết từ ngày 01/01/2020 đến ngày 28/12/2020.

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Nhận vốn góp		
Ông Trần Đình Thắng	-	20.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	-	3.750.000.000
Bà Hoàng Thu Anh	-	1.250.000.000
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện Hoàng Phát	-	731.970.978
Công ty CP Thương mại Dịch vụ và Xây lắp điện Thiên Trường	55.610.280	-
Ứng trước tiền mua kho		
Ông Trần Quý Cường	-	5.000.000.000
Trả tiền		
Ông Trần Quý Cường	5.000.000.000	-
Góp vốn vào Công ty liên kết		
Công ty CP Thương mại Dịch vụ và Xây lắp điện Thiên Trường	-	9.800.000.000
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện Hoàng Phát	-	4.800.000.000
Cho vay ngắn hạn		
Nguyễn Thị Thanh Hương	-	3.300.000.000
Vay ngắn hạn		
Nguyễn Thị Thanh Hương	13.940.000.000	5.400.000.000
Trả tiền vay ngắn hạn		
Nguyễn Thị Thanh Hương	13.940.000.000	5.400.000.000
Bán hàng hóa, dịch vụ		
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện Hoàng Phát	1.659.802.625	-
Công ty CP Thương mại Dịch vụ và Xây lắp điện Thiên Trường	3.598.853.790	-

Số dư với bên liên quan

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả thương mại		
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện Hoàng Phát	-	30.209.708
Trả trước cho người bán		
Ông Trần Quý Cường	-	5.000.000.000
Vốn góp vào công ty liên kết		
Công ty CP Thương mại Dịch vụ và Xây lắp điện Thiên Trường	-	9.800.000.000
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện Hoàng Phát	4.800.000.000	4.800.000.000
Phải thu thương mại		
Công ty CP Thương mại Dịch vụ và Xây lắp điện Thiên Trường	-	361.269.446
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện Hoàng Phát	2.797.205	-

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của Ban Giám đốc

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lương	161.559.400	115.626.154
Tiền thưởng	8.000.000	2.500.000

27. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh được thu thập từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán, một số thông tin lưu chuyển tiền tệ được trình bày lại như sau

	Năm trước (Đã kiểm toán)		Năm trước (Trình bày lại)		Chênh lệch	
	Mã số	Số tiền VND	Mã số	Số tiền VND	Số tiền VND	Ghi chú
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(17.785.974.911)	09	(12.785.974.911)	(5.000.000.000)	(1)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	7.160.142.512	11	2.160.142.512	5.000.000.000	(1)

(1) Trình bày lại tăng giảm các khoản phải trả sang tăng giảm các khoản phải thu.

Trần Đình Thắng	**Phùng Thị Tơ**	**Phùng Thị Tơ**
Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**
Ngày 27 tháng 03 năm 2021		